

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK tăng điểm trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu bán lẻ với thanh khoản giảm

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

NT2, HSG

[Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi trong các nhịp tăng nóng, chỉ kê lệnh giải ngân một phần tỷ trọng gối đầu cho các vị thế đang nắm giữ khi chỉ số hoặc các mã mục tiêu quay xuống các vùng hỗ trợ gần

05/03/2024

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,269.98	+0.68
VN30	1,280.17	+0.92
HĐTL VN30F1M	1,278.50	+0.80
HNXIndex	237.35	-0.01
HNX30	512.83	+0.15
UPCoM	91.78	+0.71
USD/VND	24,695	+0.08
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.34	+0
Lãi suất qua đêm (%)	1.51	+4
Dầu (WTI, \$)	78.75	+0.01
Vàng (LME, \$)	2,124.64	+0.48



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,269.98 (+0.68%)
KLGD (triệu CP) 928.0 (-6.1%)
GTGD (triệu US\$) 986.3 (-14.9%)

TTCK tăng điểm trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu bán lẻ với thanh khoản giảm. Khối ngoại bán ròng 102.37 tỷ đồng, tập trung tại FUEVFNVD (+3.27%), SSI (+0.67%), VHM (-0.68%).

HNXIndex 237.35 (-0.01%)
KLGD (triệu CP) 81.4 (-25.4%)
GTGD (triệu US\$) 62.3 (-26.2%)

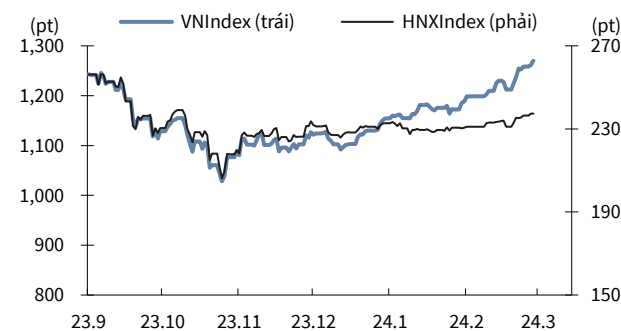
Theo báo cáo của một số tổ chức quốc tế, thị trường tiêu dùng bán lẻ của Việt Nam kỳ vọng sẽ cải thiện trong năm nay, với động lực là dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Cổ phiếu nhóm Bán lẻ tăng giá ở MSN (+6.92%), MWG (+5.49%).

UPCoM 91.78 (+0.71%)
KLGD (triệu CP) 38.3 (-14.2%)
GTGD (triệu US\$) 18.4 (-15.2%)

Hai tháng đầu năm 2024, tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ mang về 2.41 tỷ USD, tăng gần 44% so với cùng kỳ 2023. Cổ phiếu nhóm Gỗ tăng giá ở TTF (+5.53%), GTA (+2.24%).

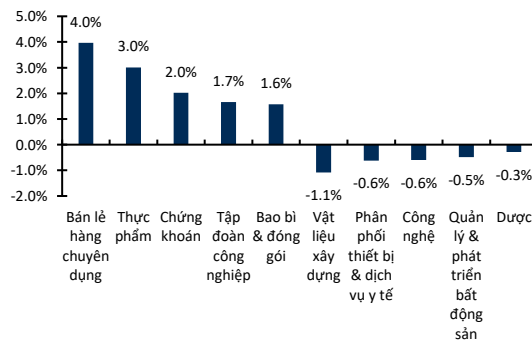
NDTNN mua ròng (triệu US\$) -3.2

VNIndex & HNXIndex



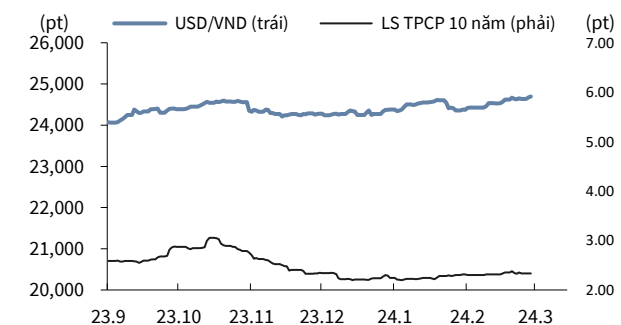
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



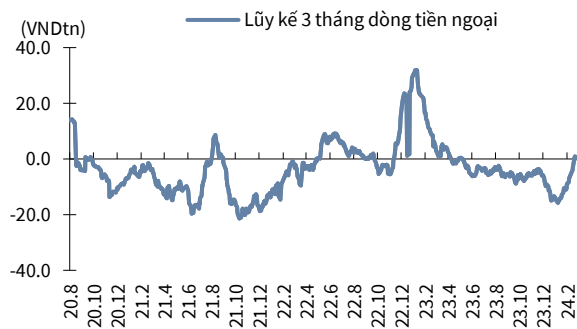
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

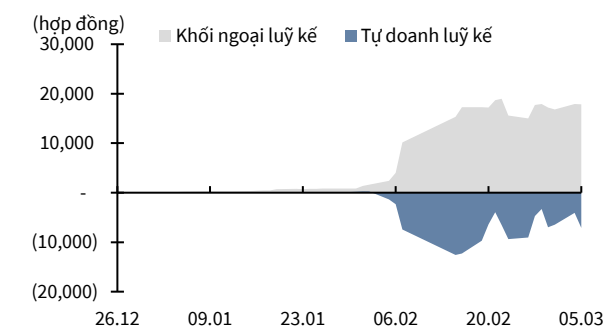
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,280.17 (+0.92%)
VN30F1M	1,278.5 (+0.80%)
Mở cửa	1,267.0
Cao nhất	1,279.0
Thấp nhất	1,264.1
KLGD (HĐ)	173,948 (+11.7%)

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2403 và VN30 mở cửa tại -1.3 điểm, sau đó biến động quanh mức -1 điểm toàn phiên, đóng cửa tại -1.67 điểm. Khối lượng giao dịch tăng.

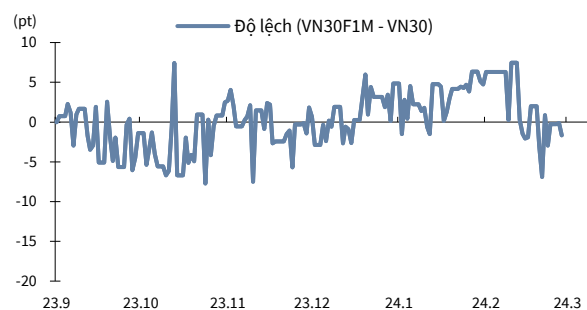
Khối ngoại bán ròng 104 HĐTL VN30F2403 nhưng đang duy trì vị thế mua lũy kế 17,838 hợp đồng. Khối tự doanh CTCK bán ròng 3,016 hợp đồng và đang duy trì vị thế bán lũy kế 7,112 hợp đồng.

Mua/bán lũy kế HĐTL VN30F1M của tự doanh & NĐTNN



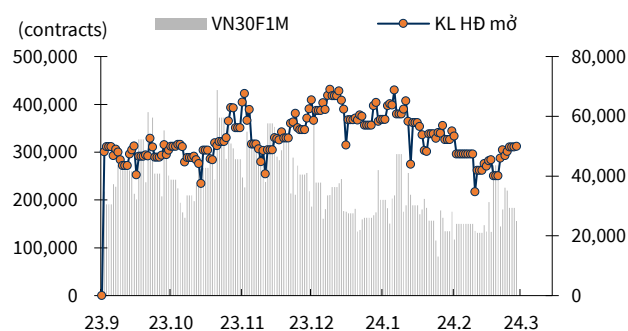
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



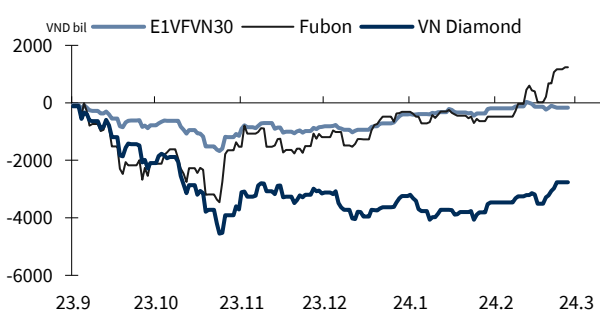
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

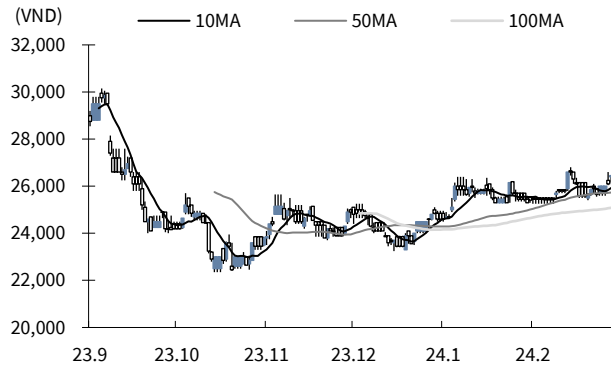
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

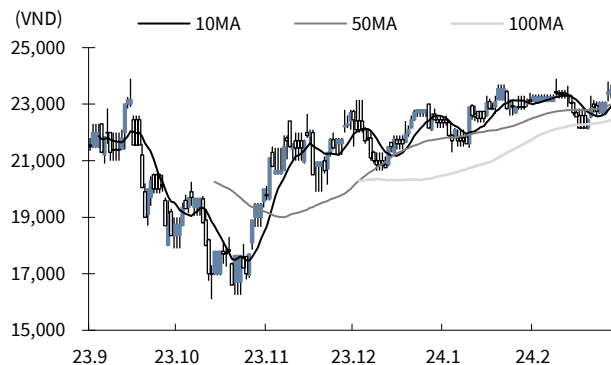
CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- NT2 tăng 1.34% lên 26,450 VND/cp
- CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 vừa thông qua việc tạm ứng cổ tức đợt 1/2023 bằng tiền với tỷ lệ 7% (700 đồng/cp). Ngày giao dịch không hưởng quyền là 14/3, tức ngày chốt danh sách là 15/3. Với gần 288 triệu cổ phiếu đang lưu hành, NT2 cần chi gần 202 tỷ đồng để chia cổ tức. Ngày thực hiện dự kiến từ 29/3. Trước đó, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của NT2 đã thông qua mức cổ tức cho năm vừa rồi là 15% bằng tiền.

CTCP Tập đoàn Hoa Sen (HSG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HSG tăng 0.21% lên 23,500 VND/cp
- Thông tin trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM, ông Trần Ngọc Chu, Phó Chủ tịch HĐQT Thường trực Điều hành CTCP Tập đoàn Hoa Sen, đăng ký bán 1.5 triệu cổ phiếu HSG để thu xếp tài chính cá nhân. Giao dịch dự kiến thực hiện từ ngày 7/3 đến ngày 5/4, theo phương thức khớp lệnh trên sàn và/hoặc thỏa thuận. Nếu bán thành công, sở hữu của ông Chu sẽ giảm từ 1.78 triệu cổ phiếu (tỷ lệ 0.29%) xuống còn 281,147 cổ phiếu (tỷ lệ 0.04%).

COMPANY REPORT



05/03/2024

Khang Điền (KDH)

Kỳ vọng vào mở bán các dự án mới

Chuyên viên phân tích Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

Dự án The Privia ghi nhận tỷ lệ hấp thụ tốt, dự kiến bàn giao từ quý 4/2024

Cuối tháng 11/2023, Khang Điền đã mở bán chính thức dự án The Privia, nằm tại đường An Dương Vương, quận Bình Tân, Tp HCM. Dự án có diện tích 1.8ha với quy mô 3 block 1,043 căn hộ. Tính đến cuối tháng 2/2024, dự án đã cất nóc cả 3 tòa và bán được 99% số căn hộ. Khang Điền sẽ tiếp tục hoàn thiện và bắt đầu giao căn hộ cho khách hàng từ Quý 4/2024.

Kỳ vọng mở bán hai dự án Clarita và Emerica trong năm 2024

KBSV kỳ vọng trong năm 2024, KDH sẽ mở bán hai dự án hợp tác với Keppel là Clarita và Emerica. Hai dự án này có tổng diện tích 11.8ha tại đường Võ Chí Công, phường Bình Trưng Đông, Tp. Thủ Đức. Hai dự án này đã khởi công từ Quý 4/2023, kỳ vọng có thể đóng góp vào doanh số bán hàng của KDH từ nửa cuối năm 2024. KBSV ước tính doanh số bán hàng 2024F-2025F đạt 2,468 tỷ VND (-46%YoY) và 4,217 tỷ VND (+71%YoY).

Dự báo lợi nhuận sau thuế năm 2024 đạt 891 tỷ VND (+12%YoY)

KBSV ước tính doanh thu và LNST của KDH năm 2024 đạt lần lượt là 3,227 tỷ VND (+54%YoY) và 804 tỷ VND (+12%YoY) nhờ bắt đầu bàn giao dự án The Privia

Khuyến nghị: NẮM GIỮ – Giá mục tiêu: 37,700VND/cổ phiếu

Dựa trên triển vọng kinh doanh và kết quả định giá, chúng tôi đưa ra khuyến nghị NẮM GIỮ đối với cổ phiếu KDH với mức giá mục tiêu là 37,700VND/cp, cao hơn 5% so với giá đóng cửa ngày 05/03/2024.

NẮM GIỮ thay đổi

Giá mục tiêu 37,700 VND

Tăng/giảm (%)	5%
Giá hiện tại (05/03/2024)	37,700 VND
Giá mục tiêu đồng thuận	38,100 VND
Vốn hóa thị trường	28.8/1.2
(nghìn tỷ VND/ tỷ USD)	

Dự phóng KQKD & định giá

FY-end	2022	2023	2024F	2025F
Doanh số thuần (tỷ VND)	2,912	2,093	3,227	5,703
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VND)	992	1,110	1,064	2,242
Lợi nhuận của CĐ công ty mẹ (tỷ VND)	1,103	717	804	1,088
EPS (VND)	1,539	897	1,005	1,361
Tăng trưởng EPS (%)	-18	-42	12	35
P/E (x)	20.24	38.63	35.81	26.45
P/B (x)	1.93	2.06	1.76	1.59
ROE (%)	9.4	4.6	4.9	6.0
Tỷ suất cổ tức (%)	0	0	0	0

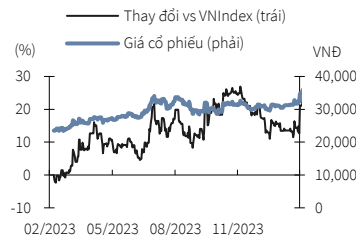
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	89.4%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND,triệu USD)	70.7/2.9
Sở hữu nước ngoài (%)	5.4%
Cổ đông lớn	Nhóm quỹ Dragon Capital (11%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	17	12	9	53
Tương đối	9	-1	6	24



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex diễn biến rung lắc giằng co trong hầu hết phiên sáng trước khi dần hồi phục và mở rộng biên độ tăng điểm về cuối phiên.
- Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn phiên hôm nay đóng vai trò giữ nhịp cho chỉ số và lan tỏa hiệu ứng tích cực sang các nhóm khác. Sau nhịp tăng điểm kéo dài, rủi ro xuất hiện nhịp điều chỉnh ngắn hạn sẽ dần gia tăng khi chỉ số tiếp cận ngưỡng cản tâm lý quanh 1300 điểm. Tuy nhiên, khi độ rộng tăng điểm và thanh khoản vẫn được củng cố theo đà tăng của giá, khả năng rơi vào một nhịp điều chỉnh sâu ngay chưa được chúng tôi đánh giá cao.
- NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi trong các nhịp tăng nóng, chỉ kê lệnh giải ngân một phần tỷ trọng gổ đầu cho các vị thế đang nắm giữ khi chỉ số hoặc các mã mục tiêu quay xuống các vùng hỗ trợ gần.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1296 – 1302

Kháng cự gần: 1285 – 1287

Hỗ trợ gần: 1261 – 1265

Hỗ trợ xa: 1249 – 1253

- F1 diễn biến rung lắc giằng co trong hầu hết phiên giao dịch trước khi dần hồi phục và mở rộng biên độ tăng điểm về cuối phiên.
- Việc F1 tăng điểm với mẫu nền thân đặc đi kèm thanh khoản tăng cho thấy sự chủ động và chiếm ưu thế của bên Long. Mặc dù các tín hiệu kỹ thuật thể hiện rủi ro có thể xuất hiện một nhịp điều chỉnh ngắn hạn, sự chủ động của lực cầu được kỳ vọng sẽ tiếp tục duy trì xu hướng tăng cũng như sớm lấy lại đà hồi phục cho F1 sau nhịp điều chỉnh.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều, Short tại kháng cự, Long tại hỗ trợ,
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Ưu tiên mở Long quanh các ngưỡng hỗ trợ xa.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

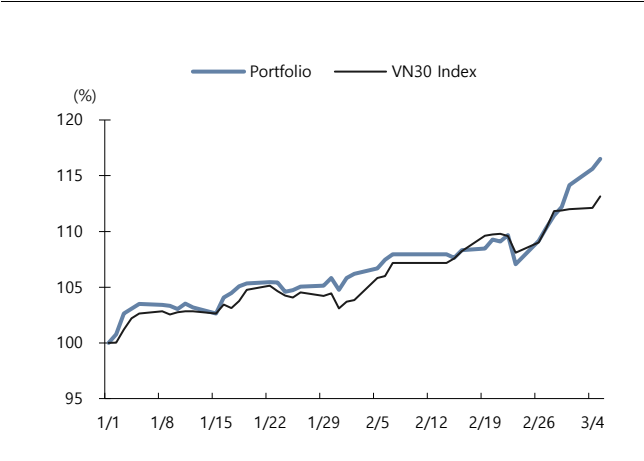
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Khoảng thời gian nắm giữ tiêu chuẩn là 3 tháng. Tuy nhiên danh mục được tái cơ cấu định kỳ vào tuần đầu mỗi tháng.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Danh mục giả định luôn duy trì tỷ trọng 100% cổ phiếu (bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều giữa các mã. NĐT cần kết hợp với xu hướng thị trường và mức độ hấp dẫn của từng mã để điều chỉnh tỷ trọng tương ứng.

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.92%	0.77%
Tăng lũy kế (YTD)	13.14%	16.51%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 05/03/2024	Daily return (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
SSI (SSI)	01/11/2023	37,400	0.7%	45.2%	- Hưởng lợi từ xu hướng giảm của mặt bằng lãi suất, giúp thanh khoản thị trường cải thiện - Kỳ vọng triển khai hệ thống giao dịch KRX, giúp thị trường giao dịch sôi động
VN Rubber Group (GVR)	02/01/2024	29,700	-0.3%	32.3%	- Giá và sản lượng cao su GVR trong 2024 dự kiến giữ đà tăng trưởng - Nam Tân Uyên 3 là động lực tăng trưởng KCN của GVR trong ngắn và trung hạn - GVR liên tục phát triển thêm các dự án mới, mở rộng quỹ đất KCN
FPT (FPT)	01/02/2024	110,700	-0.6%	14.2%	- Các mảng kinh doanh như CNTT nước ngoài, giáo dục còn nhiều tiềm năng tăng trưởng - Kỳ vọng động lực tăng trưởng dài hạn khi xâm nhập vào mảng chip bán dẫn
PV Trans (PVT)	02/01/2024	26,800	-0.9%	3.5%	- Bất ổn tại những nút giao thương hàng hóa trọng yếu có thể gây áp lực giá cước vận tải - Ghi nhận doanh thu cả năm cho các tàu mua từ 2023 - Kỳ vọng mở rộng thêm đội tàu trong 2024
PV Drilling (PVD)	02/01/2024	31,750	0.8%	14.8%	- Nguồn cung giàn khoan vẫn sẽ thắt chặt trong dài hạn - Kỳ vọng nhu cầu thuê giàn tăng mạnh trong 2 năm tới - Thị trường E&P nội địa dự kiến sôi động hơn từ 2024
TNG (TNG)	02/01/2024	22,400	0.0%	10.9%	- Hàng tồn kho của các hãng thời trang là đối tác của TNG có dấu hiệu giảm rõ nét - BLNG được kỳ vọng cải thiện trong 1Q2024 - Suy giảm xuất khẩu thu hẹp
PC1 Group (PC1)	02/01/2024	28,700	1.4%	-4.3%	- Xây lắp điện được dự báo hồi phục với động lực chính từ các dự án thuộc EVN - Sản lượng mảng NLTT kỳ vọng ổn định hơn từ 3Q2024 trở đi giúp cải thiện lợi nhuận
Viettelpost (VTP)	02/01/2024	78,400	0.0%		- VTP kỳ vọng cải thiện biên lợi nhuận gộp mảng dịch vụ dù áp lực giảm giá cước vẫn cao - Thị trường chuyển phát nhanh Việt Nam dự báo tăng trưởng CAGR 24%/năm - Sản lượng chuyển phát kỳ vọng tiếp tục đà tăng trưởng, nâng thị phần lên 21%
Coteccons (CTD)	01/02/2024	72,900	1.3%	6.0%	- Mảng công nghiệp làm động lực tăng trưởng trong tương lai - Kỳ vọng giá trị hợp đồng ký mới trong FY2024 tăng 30%
Mobile World (MWG)	01/02/2024	50,000	5.5%	16.0%	- Tiếp tục cuộc chiến giá ở mảng ICT&CE, đánh đổi lợi nhuận để chiếm thêm thị phần - Bách Hoá Xanh có nhiều tín hiệu tích cực, kỳ vọng là động lực tăng trưởng

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
MWG	5.5%	44.8%	211.6
MSN	6.9%	27.6%	113.7
STB	0.5%	23.8%	99.2
CTD	1.3%	45.6%	50.9
DGC	1.2%	19.2%	48.4

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
FUEVFVND	3.3%	96.5%	-163.0
SSI	0.7%	43.2%	-136.0
VHM	-0.7%	22.4%	-124.9
TDM	2.5%	4.3%	-61.3
VNM	1.4%	52.9%	-39.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
SHS	0.6%	9.5%	27.5
MBS	3.2%	0.8%	4.2
TNG	0.0%	21.2%	3.6
DHT	-2.2%	35.8%	3.3
TIG	2.4%	11.0%	2.3

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
CEO	-0.4%	5.7%	-14.3
VSA	0.0%	0.0%	-2.3
VGS	0.4%	1.2%	-2.1
STC	0.0%	0.0%	-2.0
BVS	2.8%	6.3%	-1.5

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ hàng chuyên dụng	9.3%	MWG, FRT, CTF, HAX
Tập đoàn công nghiệp	7.0%	REE, BCG, PET, EVG
Hàng dệt, may & hàng xa xỉ	6.6%	PNJ, TCM, MSH, GIL
Chứng khoán	6.4%	SSI, VND, HCM, VCI
Thực phẩm	4.9%	VNM, MSN, KDC, VHC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Phụ tùng oto	-1.3%	DRC, CSM, PAC, TNC
Vật liệu xây dựng	-1.1%	HT1, PTB, GAB, ACC
Dược	-0.1%	DHG, IMP, TRA, DBD
Tiện ích điện	0.2%	PGV, NT2, PPC, TTA
Nước	0.2%	BWE, TDM, SII, CLW

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	19.0%	GVR, DGC, DPM, DCM
Tập đoàn công nghiệp	14.2%	REE, BCG, PET, EVG
Bán lẻ hàng chuyên dụng	11.8%	MWG, FRT, CTF, HAX
Chứng khoán	11.0%	SSI, VND, HCM, VCI
Kim loại & khai thác	10.7%	HPG, HSG, NKG, KSB

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Vật liệu xây dựng	-0.5%	HT1, PTB, GAB, ACC
Thương mại & phân phối	-0.1%	VPG, TSC, BTT, TNA
Máy móc	0.0%	TCH, HHS, SRF, SHA
Hàng không dân dụng	0.3%	VJC, HVN
Tiện ích điện	1.2%	PGV, NT2, PPC, TTA

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	231,293 (9.4)	22.5	-	31.5	14.7	-1.9	3.7	1.5	1.5	0.1	0.3	7.3	1.6
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	353,520 (14.4)	26.6	6.2	6.0	35.9	15.6	14.5	0.9	0.8	-0.7	-1.2	5.8	1.0
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	373,538 (15.2)	17.8	14.6	12.7	-7.6	11.2	11.2	1.5	1.4	-1.1	1.1	22.5	14.6
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	472,316 (19.2)	31.3	-	34.0	6.7	-0.7	2.9	0.9	0.9	-1.7	0.9	1.2	0.9
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	25,770	19,167 (833)	122,170 (5.0)	11.6	32.0	28.8	13.7	7.0	7.5	2.1	2.1	0.1	10.4	16.7	14.6
	DXG	DAT XANH GROUP	20,008	12,594 (547)	180,408 (7.3)	13.9	86.3	40.2	-	1.4	2.8	1.2	1.2	-0.5	1.9	0.5	-4.1
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	147,874 (6.0)	6.3	15.2	13.8	11.7	19.3	18.1	2.7	2.2	-0.5	4.8	6.1	18.9
	BID	BANK FOR INVESTM	30,621	174,556 (7,586)	106,912 (4.4)	12.7	15.5	10.1	-5.3	19.5	20.4	2.2	1.9	1.7	2.6	11.8	25.3
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	355,870 (14.5)	0.0	6.7	5.5	14.3	16.1	16.8	1.0	0.8	0.8	0.6	18.9	32.7
	CTG	VIETNAM JS COMM	25,516	137,021 (5,955)	401,415 (16.3)	1.4	9.1	7.2	50.3	17.2	20.0	-	-	1.3	0.8	7.5	34.5
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	290,345 (11.8)	0.0	10.6	7.4	18.8	11.3	14.0	1.1	1.0	0.8	2.1	2.9	2.9
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	566,042 (23.0)	0.0	5.5	4.4	14.6	22.8	23.1	1.1	0.9	1.7	1.4	7.2	31.9
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	151,603 (6.2)	4.2	6.0	4.8	23.3	23.5	23.0	-	-	0.9	3.5	3.8	15.8
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	657,616 (26.8)	14.0	7.5	4.3	26.5	19.5	25.1	1.1	0.8	0.5	3.7	4.2	14.1
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	354,339 (14.4)	0.0	6.9	5.4	37.4	17.3	19.0	1.1	1.0	-1.0	1.3	6.9	11.5
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	13,065	22,745 (988)	251,626 (10.2)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	0.0	0.5	-2.7	-0.3
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	21,005 (0.9)	21.0	18.8	-	15.8	7.8	-	-	-	0.2	2.0	5.5	9.6
	BMI	BAOMINH INSURANC	20,227	2,439 (106)	7,153 (0.3)	14.2	-	-	9.1	-	-	-	-	0.4	2.0	6.3	9.8
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	863,760 (35.1)	55.4	24.9	-	-3.2	9.8	-	-	-	0.7	4.2	7.0	14.0
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	306,908 (12.5)	71.9	29.5	21.8	-4.0	13.4	14.2	3.2	3.0	2.0	5.2	8.9	11.8
	HCM	HO CHI MINH CITY	15,467	8,907 (387)	275,240 (11.2)	52.4	-	-	-19.0	10.2	-	-	-	1.8	2.5	7.6	22.1
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	672,659 (27.4)	27.2	20.2	15.2	36.3	10.7	11.8	1.8	1.8	0.2	3.1	5.9	5.6
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	342,811 (14.0)	42.1	16.9	15.3	4.0	29.4	30.8	4.6	4.5	1.4	1.4	7.4	8.0
	SAB	SAIGON BEER ALCO	96,250	123,447 (5,365)	67,509 (2.7)	36.9	18.0	17.6	7.3	17.3	16.9	2.9	2.8	1.0	4.6	3.3	-6.5
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	295,881 (12.0)	16.5	48.1	23.1	-51.9	9.3	17.2	3.9	3.4	6.9	12.0	16.6	13.0
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	22,867 (0.9)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	1.0	1.4	3.7	-10.2
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	67,055 (2.7)	11.0	29.5	-	-88.5	11.5	-	-	-	0.8	0.9	-0.9	-3.3
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	114,173 (4.6)	10.8	20.4	17.8	-57.0	12.7	13.8	2.6	2.4	-0.5	8.0	16.3	13.5
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	232,342 (9.5)	38.4	24.8	-	65.7	3.8	-	-	-	2.6	4.0	5.4	13.0
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	402,162 (16.4)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	1.5	6.8	10.8	-0.4
	CTD	COTECCONS CONSTR	54,900	5,438 (236)	156,466 (6.4)	3.6	-	-	-52.4	-	-	-	-	1.3	8.3	12.5	6.0
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	55,484 (2.3)	0.0	10.4	8.9	-4.5	13.0	13.9	1.4	1.2	1.8	7.1	14.1	11.4

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	75,083	172,447 (7,494)	92,320 (3.8)	46.1	-	12.2	-17.5	-	-	2.3	2.1	1.5	1.8	5.1	4.6
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	26,734 (1.1)	31.4	-	15.9	-10.5	-6.0	12.7	-	-	1.3	2.3	4.5	8.0
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	2,057 (0.1)	34.1	-	-	-5.1	-	-	-	-	0.0	0.4	1.1	-6.1
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	875,346 (35.6)	18.0	13.9	9.6	21.9	11.7	15.7	1.6	1.4	1.1	2.6	11.3	11.4
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	93,418 (3.8)	36.5	15.0	18.2	-0.5	8.0	7.5	1.2	1.2	0.3	2.2	6.0	6.0
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	178,698 (7.3)	46.5	11.6	-	-4.5	15.4	18.5	-	-	0.4	2.2	5.7	6.2
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	248,554 (10.1)	38.9	17.7	13.5	67.9	7.5	10.5	1.3	1.3	0.2	2.8	1.7	3.1
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	52,208 (2.1)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	0.9	0.0	5.6	19.0
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	33,893 (1.4)	4.6	14.2	13.2	-51.0	11.8	11.7	-	-	0.0	0.8	4.1	4.2
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	203,580 (8.3)	39.9	20.0	14.8	-11.9	6.0	7.6	1.1	1.1	0.8	10.2	12.4	12.2
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	92,720 (3.8)	35.9	7.7	6.3	2.2	16.2	16.5	1.1	1.0	-0.9	0.2	1.9	1.5
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	513,528 (20.9)	0.0	27.5	18.2	14.4	8.0	12.4	2.9	2.6	5.5	11.7	5.5	16.8
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	112,500 (4.6)	0.0	15.1	12.7	2.4	21.7	21.8	2.9	2.5	1.3	7.7	6.4	12.6
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	23,403	1,261 (055)	16,287 (0.7)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-1.4	1.0	2.9	-12.4
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	73,663 (3.0)	30.3	60.8	36.0	-75.2	19.0	-	10.2	-	2.3	6.7	21.3	35.5
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	31,051 (1.3)	34.6	18.9	-	41.2	11.7	-	-	-	-0.9	-0.7	5.3	12.7
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,624 (0.1)	45.4	15.2	-	10.7	19.5	-	-	-	-0.4	-0.1	2.7	4.7
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	49,275	61,301 (2,664)	300,594 (12.2)	0.0	18.7	15.4	15.5	28.8	28.5	4.9	4.2	-0.6	2.6	7.0	15.2

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOÍ PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích doanh nghiệp

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyennd1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuannd@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Khoí phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anhthd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tienss@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

